

Số: 01 BC/BKS - TĐQP

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023
của Công ty CP thủy điện Quế Phong

Ban kiểm soát xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 về công tác kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty cổ phần Thủy điện Quế Phong năm 2022, kế hoạch hoạt động năm 2023 như sau:

PHẦN I: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA GIÁM SÁT

I. Kết quả hoạt động chung của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát công ty gồm 3 thành viên: Ông Đặng Khánh Quyền – Trưởng ban; Bà Đỗ Thu Hương, Nguyễn Thị Thanh Bình.

Ban đã phân công nhiệm vụ cho các thành viên và phối hợp thực hiện tốt nhiệm vụ, thay mặt cổ đông kiểm soát các hoạt động SXKD, quản trị và điều hành công ty.

Trong năm 2022, ban kiểm soát đã thực hiện các công việc sau:

- Triển khai công việc theo chức năng nhiệm vụ được giao, luôn bám theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông.
- Kiểm tra giám sát hàng quý trên cơ sở báo cáo thực hiện công tác SXKD, đầu tư của công ty.
- Xem xét các báo cáo tài chính định kỳ; báo cáo thường niên tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh và chương trình kế hoạch của công ty.
- Thẩm định báo cáo kết quả SXKD, báo cáo tài chính, phân tích đánh giá tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động, khả năng bảo toàn phát triển vốn.
- Xem xét báo cáo của đơn vị kiểm toán độc lập.
- Tham gia các hội nghị, các cuộc họp HĐQT, ĐHĐCĐ công ty.
- Rà soát các quy định, quy chế nội bộ của công ty, đưa ra các khuyến nghị sửa đổi bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế công ty.

II. Đánh giá kết quả giám sát thực hiện hoạt động SXKD của công ty:

4. Hoạt động kinh doanh

Ban kiểm soát đã giám sát công tác tổ chức hoạt động SXKD, thẩm định báo cáo kết quả hoạt động năm 2022 của công ty và thống nhất đánh giá như sau:

Trong năm 2022, mặc dù tính hình Thế giới nói chung và Việt Nam đã vượt qua thời điểm khó khăn nhất do dịch Covid 19, tuy nhiên tình hình Quốc tế nói chung vẫn gặp rất nhiều bất ổn, điển hình là cuộc xung đột Nga – Ucraina và tình trạng lạm phát diễn ra trên phạm vi toàn cầu. Đối với Việt Nam, lãi suất ngân hàng tăng cao nên khó khăn trong tiếp cận nguồn vốn cũng như ảnh hưởng đến việc trả nợ khoản vay tại các tổ chức tín dụng, nhưng dưới sự chỉ đạo sát sao của HĐQT, Ban TGD, các nhà máy trực thuộc công ty tiếp tục tập trung phát điện tối đa vào giờ cao điểm theo Hợp đồng biểu giá chi phí tránh được, tuy do tình hình thời tiết gặp nhiều bất lợi nhưng sản lượng phát điện có tăng hơn năm 2022, doanh thu đạt được cụ thể: sản lượng phát điện đạt 93,023,661 kWh đạt 103.75% so với kế hoạch đề ra; doanh thu bán điện đạt 106,146 tỷ đồng (không bao gồm thuế TN và phí dịch vụ môi trường rừng, doanh thu khác) đạt 90,55% so với kế hoạch đề ra; các chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế và sau thuế đều cao hơn so với kế hoạch đề ra lần lượt là 31,13% và 25,75%.

Đội ngũ vận hành đúng quy trình phù hợp với điều kiện thực tế, linh hoạt, chặt chẽ trong việc lập kế hoạch chạy máy phù hợp và hiệu quả nên doanh thu, lợi nhuận ổn định.

Tập thể CBCNV công ty cổ phần Thủy điện Quế Phong đã đoàn kết, nhất trí cùng nhau vượt qua khó khăn, thi đua lao động sản xuất để hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu, kế hoạch đã được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022.

Bên cạnh đó công ty cũng đã đạt được một số thành quả đáng khích lệ như: Các Tổ máy vận hành an toàn; CBCNV vận hành cơ bản đã làm chủ được dây chuyền công nghệ, thiết bị; Sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên nước cho việc phát điện thương mại.

2. Kết quả thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông/ Hội đồng quản trị:

2.1/ Các chỉ tiêu chủ yếu trong sản xuất kinh doanh năm 2022:

Mặc dù tình hình thời tiết gặp nhiều bất lợi, doanh thu không đạt theo kế hoạch đề ra, song các Chỉ tiêu chủ yếu của Công ty năm 2022 vẫn đạt được cụ thể như sau:

- a. Tổng doanh thu: 120.300.912.181 đồng
- b. Nộp ngân sách Nhà nước: 11.166.272.374 đồng;
- c. Lợi nhuận: 74,027,633,842 đồng;
- d. Thu nhập bình quân tháng CBCNV: 9.530.798 đồng/tháng/người;
- e. Sản lượng điện: 93.023.661KWh/ 89.666,000 Kwh (Đạt 103.72%);
- f. Tổng số lao động bình quân sử dụng: 38 người.

2.2/ Lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2022:

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng quản trị Công ty đã thống nhất lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty.

2.3/ Tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty:

Công ty đã triển khai thực hiện nghiêm túc theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông, cụ thể: Tiền lương và thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát công ty thực hiện năm 2022 như sau:

ĐVT: Triệu đồng

TT	Chức danh	Số người	Kế hoạch	Thực hiện	Ghi chú
1	Chủ tịch HĐQT	01	490	490	C.trách
2	Thành viên HĐQT	03	168	168	Thù lao
3	Trưởng BKS	01	56	56	Thù lao
4	Thành viên BKS	02	84	84	Thù lao
5	Thư ký HĐQT	01	48	48	Thù lao
	Cộng		840	840	

2.4/ Cơ cấu cổ đông công ty đến ngày 31/12/2022:

TT	Tên cổ đông	Giá trị			Ghi chú
		Số CP	Số tiền (đ)	(%)	
1	Tổng Cty Trung Sơn	15.893.007	158.930.070.000	85,52	
2	Ông Lê Thái Hưng	1.333.500	13.335.000.000	7,18	
3	Ông Lê Bật Hùng	51,650	516.500.000	0,28	
7	Cổ đông cá thể khác	1.311.838	13.118.380.000	7,02	
	Tổng	18.583.100	185.831.000.000	100,00	

3. Kết quả thực hiện nghị quyết Hội đồng quản trị:

Trong năm 2022 HĐQT công ty đã ban hành nhiều nghị quyết, về cơ bản Ban điều hành đã thực hiện nghiêm túc nội dung các nghị quyết HĐQT đã ban hành.

4. Kết quả thẩm định báo cáo tài chính năm 2022:

Trên cơ sở báo cáo Tài chính do ban điều hành công ty lập, báo cáo Tài chính năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam. Ban kiểm soát đã thẩm định và báo cáo với Đại hội đồng cổ đông như sau:

Về cơ bản báo cáo đã phản ánh chính xác tình hình tài chính của công ty tại thời điểm 31/12/2022, kết quả hoạt động SXKD và lưu chuyển tiền tệ trong giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022 và phù hợp với các quy định về Tài chính Kế toán của Nhà nước, đáp ứng được các yêu cầu về công tác quản lý.

Số liệu tài chính đến ngày 31/12/2022 như sau:

Đơn vị tính: Đồng

	TÀI SẢN	Mã số	TM	12/31/2022	1/1/2022
A/	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		320,081,873,821	229,756,044,151
I/	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	3,232,148,655	4,615,301,797
1.	Tiền	111		3,232,148,655	4,615,301,797
II/	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III/	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		316,428,585,261	224,724,526,994
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	14,133,653,007	13,100,327,866
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	10,652,609,312	12,377,101,584
3.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4	290,170,738,085	198,526,067,430
4.	Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	1,491,584,857	741,030,114
5.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(20,000,000)	(20,000,000)
IV/	Hàng tồn kho	140		411,632,179	403,782,179
1.	Hàng tồn kho	141	5.6	411,632,179	403,782,179
V/	Tài sản ngắn hạn khác	150		9,507,726	12,433,181
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	9,507,726	12,433,181
0.	Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
2.	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.12	-	-
B/	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		173,265,239,936	191,606,707,870
I/	Các khoản phải thu dài hạn	210		1,483,785,813	1,483,785,813
1.	Phải thu dài hạn khác	216	5.5	1,483,785,813	1,483,785,813
II/	Tài sản cố định	220		159,468,504,435	177,400,269,906
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	159,468,504,435	177,223,422,688
	- Nguyên giá	222		475,897,402,178	474,503,002,176
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(316,428,897,743)	(297,279,579,488)
2.	Tài sản cố định vô hình	227	5.8	-	176,847,218
	- Nguyên giá	228			

					3,724,769,595	3,724,769,595
	- Giá trị hao mòn lũy kế	229			(3,724,769,595)	(3,547,922,377)
III/	Bất động sản đầu tư	230			-	-
IV/	Tài sản dở dang dài hạn	240			231,481,482	-
1.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242			231,481,482	-
V/	Đầu tư tài chính dài hạn	250			-	-
VI/	Tài sản dài hạn khác	260			12,081,468,206	12,722,652,151
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7		12,081,468,206	12,722,652,151
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270			493,347,113,757	421,362,752,021

NGUỒN VỐN		Mã số	TM	12/31/2022	Đơn vị tính: VND 01/01/2022
C/	NỢ PHẢI TRẢ	300		121,685,131,371	84,453,146,297
I/	Nợ ngắn hạn	310		120,781,603,448	81,241,103,552
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	40,694,953,026	39,158,456,551
2.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	11,166,272,374	11,405,965,691
3.	Phải trả người lao động	314		1,842,348,339	1,640,414,062
4.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.11	7,509,829,021	7,509,829,021
5.	Phải trả ngắn hạn khác	319	5.10	37,777,133,450	1,442,833,530
6.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.13	11,362,817,063	11,755,546,613
7.	Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		10,428,250,175	8,328,058,084
III/	Nợ dài hạn	330		903,527,923	3,212,042,745
1.	Chi phí phải trả dài hạn	333	5.11	465,905,708	774,542,745
2.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.13	437,622,215	2,437,500,000
D/	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		371,661,982,386	336,909,605,724
I/	Vốn chủ sở hữu	410	5.14	371,661,982,386	336,909,605,724
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		185,831,000,000	185,831,000,000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		185,831,000,000	185,831,000,000
2.	Quỹ đầu tư phát triển	418		20,924,187,646	20,924,187,646
3.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421			

				164,395,264,740	129,642,888,078
	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		90,367,630,898	59,627,619,968
	- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		74,027,633,842	70,015,268,110
4.	Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		511,530,000	511,530,000
III/	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		493,347,113,757	421,362,752,021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT					
Năm 2022					
					<i>Đơn vị tính: VND</i>
	Chỉ tiêu	Mã số	TM	Năm 2022	Năm 2021
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	120,300,912,181	120,412,064,801
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		120,300,912,181	120,412,064,801
4.	Giá vốn hàng bán	11	6.2	47,911,295,431	49,139,514,123
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		72,389,616,750	71,272,550,678
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	17,620,501,975	12,495,108,929
7.	Chi phí tài chính	22	6.4	1,107,446,418	1,544,416,406
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>1,107,446,418</i>	<i>1,544,416,406</i>
8.	Phản lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9.	Chi phí bán hàng	25		-	-
10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	6,173,619,461	5,528,906,377
11.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		82,729,052,846	76,694,336,824
12.	Thu nhập khác	31	6.6	135,309,091	11
13.	Chi phí khác	32	6.7	1,610,164,125	968,255,690
14.	Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(1,474,855,034)	(968,255,679)
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		81,254,197,812	75,726,081,145
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	7,226,563,970	5,719,678,124
17.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		74,027,633,842	70,006,403,021
	- LNST của cổ đông của công ty mẹ	61		74,027,633,842	70,006,403,021
	- LNST của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
19.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	3,984	3,880

20	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.9	3,984	3,880
----	----------------------------	----	-----	-------	-------

III. Kết quả giám sát đối với HĐQT, Ban giám đốc trong năm 2022

1. Đánh giá hoạt động của HĐQT:

- HĐQT đã giám sát chặt chẽ Ban giám đốc trong hoạt động điều hành SXKD, giám sát việc thực hiện các nghị quyết của HĐQT, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đã thông qua.

- Các nghị quyết của HĐQT đã ban hành đúng chức năng quyền hạn và phù hợp với chủ trương của Nghị quyết ĐHCĐ và tuân thủ điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty, luật doanh nghiệp và các quy định của pháp luật.

- HĐQT công ty đã tổ chức họp định kỳ và đột xuất theo quy định để triển khai giám sát và định hướng hoạt động SXKD của Công ty.

- Trong năm 2022 Ban kiểm soát không nhận được bất kỳ kiến nghị nào của cổ đông về sai phạm của HĐQT công ty trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

- Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ Ban kiểm soát đã được HĐQT, Ban giám đốc công ty tạo điều kiện thuận lợi để hoàn thành nhiệm vụ.

2. Đánh giá hoạt động của ban giám đốc:

- Ban kiểm soát đánh giá cao những cố gắng của ban Tổng giám đốc trong việc tổ chức triển khai hoạt động SXKD, với các chỉ tiêu chính vượt kế hoạch đề ra.

- Trong năm 2022 Ban kiểm soát không nhận được bất kỳ đơn thư khiếu kiện nào có liên quan đến các thành viên ban Tổng giám đốc và các chức danh quản lý khác của công ty.

IV. Kết luận và kiến nghị:

- Trong năm 2023 Ban kiểm soát sẽ tiếp tục thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động SXKD, quản trị điều hành Công ty. Để phát huy tốt hơn vai trò của mình Ban kiểm soát phải nỗ lực hơn nữa, và rất mong nhận được sự hỗ trợ của quý vị cổ đông cũng như HĐQT, sự hợp tác, phối hợp của Ban điều hành công ty.

- Đề nghị các cổ đông hỗ trợ đặc lực Công ty để đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án Bản Cốc B.

Phần II: Kế hoạch hoạt động Ban kiểm soát năm 2023

Căn cứ vào tình hình hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022 và kế hoạch SXKD của Công ty năm 2023, Ban kiểm soát đề ra kế hoạch hoạt động năm 2023 như sau:

1. Giám sát việc chấp hành điều lệ của Công ty, pháp luật nhà nước. Kiểm soát việc thực hiện các quy chế nội bộ, Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, Đại hội đồng cổ đông.

2. Kiểm tra giám sát tình hình triển khai thực hiện kế hoạch SXKD năm 2023.



3. Thẩm định báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo tài chính, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT năm 2023. Phân tích đánh giá tình hình tài chính, tình hình quản lý, sử dụng vốn, hiệu quả hoạt động và khả năng thanh toán nợ của công ty.

4. Theo dõi, kiểm tra và giám sát quá trình chuẩn bị, triển khai đầu tư Dự án. Quyết toán các hạng mục sửa chữa lớn, đầu tư XD CB của công ty.

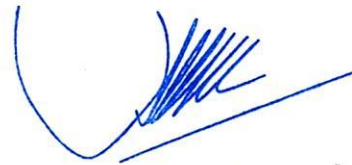
Trên đây là báo cáo hoạt động của ban kiểm soát năm 2022 và kế hoạch năm 2023 kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông
- Lưu VP.

**T.M BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Đặng Khánh Quyền

